THE SYMBOL OF THE VILLAGE COMMUNAL HOUSE IN VIETNAMESE FOLK POETRY

Ha Xuan Huong[1]

[1]*University of Sciences - Thai Nguyen University, Thai Nguyen province, Vietnam*

Email address: huonghx@tnus.edu.vn

Corresponding author: Ha Xuan Huong

https://doi.org/10.51453/3093-3706/2026/1505

ARTICLE INFO

Received: 16/06/2026

Revised: 20/07/2026

Published: 28/08/2026

KEYWORDS

Symbol;
Village communal house;
Folk poetry;
Vietnamese people.

ABSTRACT

Employing an interdisciplinary approach (integrating folklore studies, cultural studies, and symbol studies), this research deciphers the transformation of the village communal house from a multifunctional institution - encompassing spiritual, administrative, and cultural roles - into a multifaceted artistic symbol within Vietnamese folk poetry (*ca dao*). Upon entering the poetics of folk songs - analyzed through 98 occurrences across the 11,001 verses of the *Comprehensive Collection of Vietnamese Folklore - this site, where "village custom" and "state law" converge, operates through four fundamental semantic dimensions: a distinctive architectural landscape (the triad of banyan tree, well, and communal courtyard), the community's heart (a hub for village connectivity), a sacred realm (the protective domain of the Village Tutelary Deity), and a space for emotional connection (a witness to romantic love). In doing so, the study elucidates the mechanisms by which the knowledge and mindset of Northern Vietnamese agrarian inhabitants are encoded, while affirming the enduring value of the communal house symbol in preserving national cultural identity.

BIỂU TƯỢNG ĐÌNH LÀNG TRONG CA DAO NGƯỜI VIỆT

Hà Xuân Hương[1]

[1]*Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, Việt Nam*

Địa chỉ email: huonghx@tnus.edu.vn

Tác giả liên hệ: Hà Xuân Hương

https://doi.org/10.51453/3093-3706/2026/1505

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 16/06/2026
Ngày hoàn thiện: 20/07/2026
Ngày đăng: 28/08/2026

TỪ KHÓA

Biểu tượng;
Đình làng;
Ca dao;
Người Việt.

TÓM TẮT

Bằng phương pháp tiếp cận liên ngành (văn học dân gian, văn hóa học, biểu tượng học), nghiên cứu giải mã quá trình chuyển hóa của đình làng từ một thiết chế đa chức năng (tín ngưỡng, hành chính, văn hóa) thành biểu tượng nghệ thuật đa nghĩa trong ca dao người Việt. Nơi dung hòa giữa "lệ làng" và "phép nước" này khi bước vào thi pháp ca dao - khảo sát qua 11.001 lời ca dao thuộc Tổng tập văn học dân gian người Việt với 98 lần xuất hiện - vận hành theo bốn hướng nghĩa cơ bản: Kiến trúc cảnh quan đặc trưng (tổ hợp cây đa, giếng nước, sân đình), trái tim cộng đồng (trung tâm kết nối làng xã), sự linh thiêng (không gian bảo trợ của Thành hoàng) và không gian kết nối tình cảm (chứng nhân tình yêu lứa đôi). Qua đó, nghiên cứu vừa làm rõ cơ chế mã hóa tri thức và tâm lý của cư dân nông nghiệp Bắc Bộ, vừa khẳng định giá trị trường tồn của biểu tượng đình làng trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

1. GIỚI THIỆU

Trong kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam, hình ảnh đình làng từ lâu đã vượt khỏi khuôn khổ của một kiến trúc cổ kính để trở thành biểu tượng tâm linh, văn hóa và tình cảm thiêng liêng của người Việt. Nằm dưới bóng cây đa cổ thụ bên bến nước đầu làng, mái đình không chỉ là nơi thờ phụng thành hoàng, diễn ra những lễ hội rộn rã hay bàn việc làng xã, mà còn là điểm tựa tinh thần gắn liền với vố số buồn vui của đời sống nông thôn. Bằng phương pháp tiếp cận liên ngành giữa văn học dân gian, văn hóa học và biểu tượng học, việc khảo sát biểu tượng đình làng trong ca dao người Việt giúp nhận diện các tầng nghĩa thẩm mỹ và tâm lý cộng đồng của người nông dân Việt Nam truyền thống. Tại đây, hình ảnh mái đình không chỉ phản ánh mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, mà còn là không gian chứa đựng những ẩn dụ về tình yêu đôi lứa, về sự linh thiêng, về tính trung tâm của làng xã và về kiến trúc cảnh quan truyền thống. Nghiên cứu này hướng đến việc giải mã các ẩn dụ nghệ thuật liên quan đến đình làng, từ đó làm rõ vai trò của biểu tượng này trong việc góp phần hình thành và bảo lưu bản sắc văn hóa qua không gian và thời gian.

2. CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN

Nghiên cứu về biểu tượng đình làng trong ca dao người Việt được triển khai rải rác qua ba hướng chính hướng từ các ngành văn hóa học, dân tộc học và nghiên cứu văn học dân gian. Hướng thứ nhất tập trung vào góc độ lịch sử, kiến trúc và văn hóa xã hội như các công trình *Lá rụng về cội* (Toan Ánh, 2025), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử - Tập 2* (Viện Sử học, 2021), *Một số biểu tượng văn hóa làng quê Việt Nam: Các biểu tượng văn hóa gắn liền với đời sống cộng đồng – tập 3* (Lê, 2024*), "Ảnh hưởng của tôn giáo đối với điêu khắc trang trí tại các đình làng: Nghiên cứu một số biểu tượng tiêu biểu ở đình Tây Đằng, đình Hạ Hiệp và đình So"* (Đoàn, 2022)*, "Di sản đình làng – Nguồn lực văn hóa nội sinh của Việt Nam -*

Email: sjttu@tqu.edu.vn

Phần 1: Đình làng – Tinh hoa nghệ thuật dân tộc" (Nguyễn, 2026)… giúp làm rõ bản chất ngôi đình là trung tâm tâm linh, hành chính và sinh hoạt cộng đồng của làng quê. Hướng thứ hai nghiêng về thi pháp học dân gian với các công trình *Một nhận thức về văn học dân gian* (Nguyễn, 2012), *Văn hóa vật chất và văn hóa xã hội thời kì Đại Việt* (Nguyễn, 2023)… đã xếp sân đình, mái đình vào hệ thống biểu tượng không gian nghệ thuật nổi bật trong ca dao. Hướng thứ ba là các bài viết lẻ, trong đó có một nội dung nhỏ khai thác hình tượng đình làng ở các khía cạnh cụ thể như không gian giao duyên, lễ hội, biểu tượng quyền lực xã hội hay nỗi nhớ nguồn cội. Tuy nhiên, các tác giả đi trước phần lớn chỉ xem đình làng là bối cảnh phụ trợ hoặc phân tích tản mạn trong từng bài ca dao riêng lẻ. Khoảng trống này mở ra yêu cầu cần một công trình nghiên cứu sâu hơn về ngôi đình làng như một biểu tượng nghệ thuật - văn hóa độc lập trong kho tàng ca dao người Việt.

3. PHƯƠNG THỨC ĐỀ XUẤT

Bài viết được thực hiện dựa trên sự kết nối giữa một thực thể văn hóa - xã hội là ngôi đình làng trong đời sống làng quê Việt Nam xưa kia và biểu tượng đình làng - một mã thẩm mĩ trong văn học dân gian. Vấn đề nghiên cứu được đặt ra từ quá trình chuyển hóa đối tượng: Từ một trung tâm hành chính, tâm linh và sinh hoạt cộng đồng mang tính quyền lực của làng xã truyền thống, đình làng đã bước vào ca dao và trở thành một biểu tượng nghệ thuật đa tầng nghĩa. Bằng việc chỉ ra khoảng trống trong các nghiên cứu đi trước - vốn chỉ nhìn nhận đình làng như bối cảnh phụ trợ hoặc khai thác tản mạn ở một vài bài ca dao riêng lẻ - bài viết đề xuất cách tiếp cận hệ thống hơn. Theo đó, vấn đề được triển khai qua việc bóc tách các tầng nghĩa của biểu tượng: từ tầng vật chất (mái đình, sân đình, ngói đình…) đến tầng tâm lý - xã hội (kiến trúc cảnh quan, trái tim cộng đồng, không gian kết nối tình cảm, không gian thiêng). Phương thức này không chỉ giúp giải mã trọn vẹn thi pháp ca dao mà còn làm sáng tỏ tư duy nghệ thuật, tâm thức cộng đồng của người Việt.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về nguồn gốc và quá trình chuyển hóa của biểu tượng đình làng từ văn hóa đến văn học dân gian

Làng quê Việt Nam không chỉ là nơi cư trú, canh tác mà còn là cái nôi lưu giữ những giá trị văn hóa - tinh thần độc đáo của dân tộc. Làng quê như một không gian gần gũi mà linh thiêng, nơi con người gắn bó không chỉ bằng huyết thống gia đình, dòng tộc mà còn bằng tinh thần và niềm tin văn hóa, bằng tình yêu quê hương, gắn bó với quê cha đất tổ. Giữa không gian làng Việt Bắc Bộ truyền thống, cây đa, giếng nước, sân đình đã trở thành tổ hợp mang tính chất biểu trưng cho làng quê Việt Nam. Trong tổ hợp ấy, không thể không kể đến đình làng.

Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về đình làng, hầu hết đều khẳng định vị trí quan trọng của đình làng trong văn hóa làng xã ở nước ta. Chẳng hạn, tác giả Đỗ Văn Rỡ trong *Cội nguồn và truyền thống dân tộc Việt Nam* đã nhận định: "*Triều đình là đình, là đỉnh chót vót của Nước (Quốc gia), còn đình thần là đỉnh cao nhất của xã, của nền văn minh nông nghiệp, của Viêm Việt (Viêm Việt là dân tộc Việt Nam lúc khởi thủy). Nền văn minh này đặt trên nền tảng gia đình, nhiều gia đình họp thành khu, xóm, ấp và đặt cuối cùng là xã, là làng.*

Email: sjttu@tqu.edu.vn

Bởi vậy có thể nói rằng cái nhà của làng là đình. Đình là tiểu triều đình, là triều đình tại xã, là cấp làng để đối với triều đình ở cấp nước…" (Đỗ, 1997, tr. 75).

Trong đời sống nông thôn xưa, đình được coi là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng có tính tổng hợp. Điều đó thể hiện rõ ở chức năng của đình với sự tổng hòa của ba chức năng cơ bản là tín ngưỡng, hành chính và văn hóa. Ba chức năng này từng được Paul Giran nhắc tới trong công trình *Phù thuật và tín ngưỡng An Nam - nhập môn triết học văn minh của người An Nam:* "*Đình là nơi ngự trị của vị Thành hoàng của mỗi làng xã, là trung tâm đời sống tập thể của cộng đồng, là nơi mà kỳ mục dùng làm nơi nhóm họp, hoạch định các vấn đề hành chính tố tụng nội bộ, nơi cử hành các nghi lễ tín ngưỡng"* (Giran, 2021, tr. 334). Hay, các tác giả của cuốn *Đình Việt Nam* cũng dùng hình ảnh các công trình kiến trúc để nói về các chức năng đó của đình làng: "*có thể coi đình là một tòa thị chính, một nhà thờ và một nhà văn hóa công cộng của làng xã Việt Nam*" (Hà & Nguyễn, 2014, tr. 15). Tác giả Trần Lâm Biền trong bài viết "*Quanh ngôi đình làng - lịch sử*" dẫn dắt sâu hơn, từ sự hình thành đến chức năng của đình: Đình làng có xuất thân từ những nhà trạm nghỉ chân công cộng, sau đó dần phát triển thành không gian kiến trúc chung của cộng đồng làng xã. Tiền đề hình thành ngôi đình sau này chính là sự kết hợp giữa việc thờ phụng Thành hoàng với chức năng công bố sắc lệnh triều đình. Từ cội nguồn đó, đình làng đảm nhận song song hai vai trò: nơi sinh hoạt văn hóa của dân làng và nơi thực thi quyền lực phong kiến - một sản phẩm hình thành từ sự dung hòa giữa ước vọng dân gian và thể chế quân chủ (Trần, 1983). Như vậy, Trần Lâm Biền cho rằng đình có hai chức năng chính nhưng chức năng thứ nhất (nơi sinh hoạt cộng đồng) khi đặt trong lịch sử hình thành (từ nhà công cộng để nghỉ chân đến kiến trúc công cộng của làng xã, nơi thờ Thành hoàng) thì lại thấy đã bao gồm chức năng văn hóa và chức năng tín ngưỡng. Qua các ý kiến như trên, có thể thấy đình một mặt là công trình tự quản của làng, nhưng mặt khác, lại là sự tham gia của làng vào nước, là sự dung hòa giữa lệ làng và phép nước, thể hiện ở trên ba phương diện chính trị, văn hóa và tín ngưỡng.

Về kiến trúc, đình bao gồm nhiều lớp: Phần đất trống trước cửa đình, ngọ môn, sân ngoài, tam quan, sân trong, hai dãy tả vu và hữu vu, đại đình (nhà đại bái, tòa thiêu hương, hậu cung). Kiến trúc này là một tổng thể hài hòa phản ánh quá trình từ làng đến nước. Trong đó, sân đình phản ánh cái khía cạnh làng của đình, đại đình phản ánh cái khía cạnh nước của đình

Từ sự hiểu biết về kiến trúc và đặc điểm chức năng của đình làng như trên, có thể thấy ngôi đình trong văn hóa Việt không chỉ đơn giản là nơi thiêng liêng, thờ cúng Thành hoàng mà còn là trái tim của làng xã, giữ vai trò cố kết cộng đồng, biểu dương và hiệu triệu sức mạnh của làng. Những đặc điểm này là nguyên nhân cho sự hình thành các hướng nghĩa của biểu tượng đình trong văn hóa, văn học dân gian.

Có thể khẳng định, đình làng - một sự vật cụ thể của làng quê xưa - chính là mẫu gốc, thông qua các bình diện văn hóa mang tính cộng đồng, mẫu gốc này chuyển hóa thành các biểu tượng gốc với các hình thức biểu hiện như: *mái đình, cột đình, gian đình, sân đình…* Trong thực tế, người nông dân sinh sống lâu đời trong không gian làng quê, nơi mà đình làng vừa là kiến trúc cảnh quan vừa là yếu tố chi phối nhiều mặt của đời sống. Chính điều kiện này

đã ảnh hưởng trực tiếp đến cách người dân quê xưa cảm nhận và lý giải chính mình cũng như thế giới xung quanh. Khi bước vào văn học dân gian, những yếu tố quen thuộc được "chuyển hóa" thành biểu tượng. Đình làng không chỉ là một đơn vị kiến trúc mà còn là không gian thiêng, được coi là trái tim cộng đồng, là vật kết nối tình cảm của con người… Những ý nghĩa này không xuất hiện ngẫu nhiên mà là kết quả của quá trình tích lũy kinh nghiệm sống và cách tư duy mang tính hình tượng của cộng đồng.

Trong quá trình phát triển của lịch sử, xã hội, các biểu tượng gốc này lại tiếp tục sản sinh ra các biểu tượng phái sinh ở nhiều phương diện của đời sống xã hội như kinh tế, lịch sử, văn hóa dân gian… Ở lĩnh vực văn hóa dân gian, biểu tượng đình làng lại tiếp tục phái sinh thành các nhánh nhỏ hơn ở từng phương diện cụ thể: Văn học, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, tôn giáo, tín ngưỡng… Như thế, từ mẫu gốc là sự vật gắn với cảnh quan làng quê, trong quá trình phát triển của lịch sử xã hội đã hình thành biểu tượng đình làng. Biểu tượng này ngày càng phái sinh và mang những hướng nghĩa rộng lớn hơn cái ý nghĩa ban đầu.

Quá trình chuyển hóa của biểu tượng đình làng từ văn hóa đến văn học dân gian là quá trình mã hóa các ý niệm, các hướng nghĩa bằng các kí hiệu ngôn ngữ. Ở đó có sự thống nhất giữa hình thức biểu hiện và ý nghĩa biểu trưng. Ở cấp độ là biểu tượng thuộc lĩnh vực văn học dân gian, biểu tượng đình làng vừa là biểu tượng phái sinh mang tính độc lập, vừa mang tính trung chuyển toàn bộ các biểu tượng gốc, biểu tượng phái sinh ở các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hóa thông qua hệ thống tín hiệu ngôn từ nghệ thuật.

Biểu tượng đình làng có sự gắn bó mật thiết với đời sống và phản ánh bản sắc văn hóa cộng đồng, chứa đựng quan niệm, thói quen, các cung bậc cảm xúc làm nên tình cảm của con người với làng quê yêu dấu của người nông dân khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Không ngẫu nhiên mà trong văn học dân gian, đình làng luôn xuất hiện như một biểu tượng thiêng liêng của làng Việt. Biểu tượng này xuất hiện tương đối dồi dào ở nhiều thể loại văn học dân gian, trong đó phổ biến nhất là ca dao người Việt với nhiều hướng nghĩa khác nhau. Khi khảo sát 11.001 lời ca dao thuộc *Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 16* (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002), chúng tôi nhận thấy biểu tượng đình làng xuất hiện 98 lần (chiếm 0,5%) với các hướng nghĩa như sau:

Bảng 1. Khảo sát tần số xuất hiện của biểu tượng đình làng trong ca dao

Tiểu loại ca dao	**Hướng nghĩa**	**Số lần xuất hiện**	**Tổng (lần/ tần suất)**
Ca dao nghi lễ		0	0/ 0%
Ca dao lao động		0	0/ 0%
Ca dao sinh hoạt	Trái tim của cộng đồng	14	98/ 0,9%
	Sự linh thiêng	3	
	Vật kết nối tình cảm	38	
	Kiến trúc cảnh quan của làng quê	43	

Kết quả thống kê cho thấy biểu tượng đình làng chỉ xuất hiện trong ca dao sinh hoạt. Hiện tượng này có thể giải thích bằng đặc điểm chức năng thể loại. Ca dao bao gồm ba bộ phận lớn là ca dao nghi lễ, ca dao lao động và ca dao sinh hoạt. Bộ phận có số lượng phong

phú và tiêu biểu nhất là ca dao sinh hoạt với nội dung chủ yếu là phản ánh tâm tư, tình cảm của con người trong đời sống thường ngày. Điều đó dẫn đến sự phổ biến của biểu tượng đình làng với các hướng nghĩa liên quan đến tình cảm của con người và tình yêu làng quê. Bên cạnh đó, tần suất xuất hiện của các hướng nghĩa của biểu tượng đình làng còn là kết quả của những ảnh hưởng của các đặc điểm về môi trường sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng ở làng quê xưa khi xem xét mối liên quan của các biểu tượng với từng lĩnh vực trong đời sống con người.

2.2. Giải mã biểu tượng đình làng trong ca dao người Việt

2.2.1. Đình làng - biểu tượng của kiến trúc cảnh quan truyền thống

Dưới tác động của lịch sử, sự phối kết cô đọng giữa các yếu tố cảnh quan truyền thống đã kiế tạo nên những tổ hợp biểu trưng cho làng xã Việt Nam. Dù mỗi làng có thể mang những đặc điểm văn hóa riêng biệt, các biểu tượng này vẫn đóng vai trò là những kí hiệu học văn hóa chung - nơi lưu giữ ký ức, sự nhận diện và hoài niệm về không gian làng quê trong tâm khảm mỗi người. Có thể kể đến các tổ hợp tạo kiến trúc cảnh quan đặc trưng của làng quê Việt Nam truyền thống như sau: Tổ hợp cây đa, giếng nước, sân đình; tổ hợp quán, cây xanh, đồng lúa; Tổ hợp cây rơm, bụi chuối, ao bèo; Tổ hợp đường làng, bờ ao, hàng rào duối, cây cau; tổ hợp luỹ tre, cổng làng, đường vào làng; tổ hợp cây đa, cổng làng, ao làng. Trong đó, cây đa, bến nước, sân đình là tổ hợp mang tính điển hình nhất.

Dưới góc độ cảnh quan, sự kết hợp giữa mái đình mái uốn cong, sân đình, cây đa bóng mát cùng giếng nước trước mặt đã kiến tạo nên một tổ hợp không gian kiến trúc - văn hóa hoàn chỉnh của làng quê truyền thống, có tính công thức đạt hiệu quả thẩm mỹ cao, biểu thị không gian văn hóa đa chức năng của cộng đồng làng. Tổ hợp ấy đã khảm sâu vào trong tâm thức mỗi người dân quê, là niềm tự hào trong lời kể "cây đa làng tôi", "giếng làng tôi", "đình làng tôi", là những hình ảnh đầu tiên hiện lên trong niềm thương nỗi nhớ của người con xa quê về làng mình: *Cây đa, giếng nước, sân đình/ Đi xa ta nhớ nghĩa mình mình ơi!*

Điều đáng nói là, bản thân ngôi đình làng khi mới được xây dựng, nó chỉ là một công trình kiến trúc đơn thuần, nhưng khi đặt ngôi đình ấy trong mối quan hệ gắn bó với đời sống con người, với các sự vật khác như cây đa, giếng nước thì đình làng không đơn thuần là một vật thể đơn thuần nữa mà đã trở thành một kiến trúc cảnh quan mang tính đặc trưng cho không gian làng quê truyền thống. Cùng với cây đa, giếng nước, đình làng đã trở thành một tổ hợp mang tính thẩm mĩ, là đại diện tiêu biểu nhất cho kiến trúc cảnh quan làng quê xưa.

Ở nhiều làng, cây đa được trồng bên miếu, bên đình. Cây đa cổ thụ bóng trùm rợp một góc, thân hình rêu phong cổ kính góp phần tạo nên cảnh quan u tịch, không gian tĩnh mịch, linh thiêng cho các ngôi đình, đền, chùa, miếu cổ: *Lá đa rụng xuống sân đình/ Không ai tưởng bạn thì mình tưởng cho; Cây đa lá rụng đầy đình/ Bao nhiêu lá rụng thương mình bấy nhiêu; Lá đa rụng xuống sân đình/ Lơ lơ có kẻ thất tình phen ni.*

Không gian kiến trúc cảnh quan truyền thống chính là bệ đỡ cho các giá trị văn hóa phi vật thể trường tồn. Từ những sinh hoạt hội hè tại sân đình, múa rối nước trên ao làng, cho đến các điểm hẹn tâm linh như cổng làng, chùa chiền hay quán nghỉ giữa đồng - tất cả đều là môi trường giao tiếp lý tưởng, củng cố mạnh mẽ tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Email: sjttu@tqu.edu.vn

2.2.2. Đình làng - Biểu tượng của trái tim cộng đồng

Hướng nghĩa này được hình thành dựa trên cơ sở là vị trí và chức năng của đình làng.

Đình thường được dựng ở vị trí đẹp nhất làng. Đó không những là nơi cao ráo, đẹp về mặt phong thủy mà còn là đầu mối giao thông đường thủy, đường bộ của làng như cạnh đường cái quan (đường liên thôn, liên xã), bến nước… Đây là những vị trí thuận tiện nhất để đi vào các xóm cũng như đi ra khỏi làng, giữ mối liên hệ giữa làng với bên ngoài, với nước. Chính vị trí vào làng ra nước của đình như thế đã phản ánh vai trò trung tâm của đình trong việc kết nối nội bộ làng và làng - nước: *Đồn rằng Văn Điển vui thay/ Ngoài phố chợ họp năm ngày một phiên/ Tàu qua phố dưới phố trên/ Đình thì ở giữa hai bên rặng bàng.* Việc lựa chọn vị trí để dựng đình như thế cho thấy vai trò rất được coi trọng của đình trong đời sống nơi làng xã với tư cách là trái tim của cộng đồng, trung tâm của mọi hoạt động hành chính, văn hóa và tín ngưỡng.

Chợ cũng là một công trình điển hình cho hoạt động sinh hoạt cộng đồng nơi thôn quê, nhưng xét về sự phổ biến, sự đa dạng về chức năng, tính chính thống được nhà nước thừa nhận thì đình mới là đại biểu cho làng. Chợ vì thế dù lớn vẫn phải chịu lép vế trước đình: *Ai cho chợ lớn hơn đình/ Dầu có kết đôi đi chăng nữa cũng kêu mình bằng em.*

Đình làng góp phần kiến tạo nên niềm tự hào của người nông dân xưa về ngôi làng quê hương của họ. Là một trung tâm văn hóa, trung tâm hành chính, trung tâm tín ngưỡng của làng, đình làng chính là trung tâm của làng, thể hiện rõ nhất sức mạnh, vị thế của làng. Cụ thể, kiến trúc bề thế của đình làng nói lên sự hưng thịnh, phồn vinh và bề dày lịch sử của làng. Việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng như lễ hội, đình đám, các trò chơi dân gian phản ánh truyền thống gắn bó, đoàn kết, biểu dương tình làng nghĩa xóm của các thành viên của làng. Các quyết định của làng được nghị họp và ban bố từ đình nói lên tinh thần dân chủ của làng. Việc thờ cúng Thành hoàng làng lại nói lên lòng biết ơn và niềm tự hào về truyền thống anh hùng, sự tài trí, chở che của các bậc tiền nhân đối với mảnh đất này. Xuất phát từ những ý nghĩa đó, người nông dân xưa đã tự hào về làng mình như một cách "khoe", phô bày sự thịnh vượng, phát triển, truyền thống văn hóa và lịch sử của làng mình trước nước: *Bát Tràng có mái đình cong…; Mình về đường ấy thời xa/ Có về tổng Mễ với ta cho gần/ Tổng Mễ có ao rửa chân/ Có sông tắm mát, có đình nghỉ ngơi/ Tháng tám thì đi xem bơi Tháng hai xem rước, mình ơi hỡi mình!*; *Ai về nhớ tháp Chiên Đàn/ Nhớ đình Mỹ Thạch, nhớ hàng cau xanh/ Quê hương ai vẽ nên tranh/ Trường Giang một dải nước xanh bốn mùa.*

Hầu như, làng nào cũng có đình. Bởi vì rất coi trọng vai trò của ngôi đình đối với đời sống của làng quê nên bất kì người dân nào cũng hết sức yêu quý và rất đỗi tự hào về đình làng của mình - những ngôi đình to đẹp với mái đình cong vút. Tình cảm này phù hợp với tính cộng đồng, với tinh thần cố kết cộng đồng, với truyền thống trọng tình của của những cư dân nông nghiệp lúa nước nơi thôn quê xưa. Những làng trù phú thì đình làng to, kiến trúc đẹp với nhiều hình thù chạm khắc tinh xảo: *Chình ình như đình La Qua; Bát Tràng có mái đình cong…; Đồn rằng núi Trạn lắm công/ Ao Quan lắm cá, đình Trung lắm rồng*. Đình làng khang trang to lớn chứng tỏ sức mạnh vật chất và tinh thần của cộng đồng làng đó. Những làng thuần nông chiêm khê mùa trũng thì đình làng khiêm tốn… Tuy nhiên, nội dung và hình thức của đình

làng to hay nhỏ đều giống nhau. Giống nhau ở cái ý nghĩa đặc biệt - đó là nơi tôn vinh những giá trị văn hóa được mọi người công nhận: Truyền thống trọng tước, trọng xỉ…

Tình cảm yêu mến, tự hào và sự coi trọng của những người nông dân đối với ngôi đình của làng mình chính là một minh chứng cho việc họ coi đình chính là trái tim của cộng đồng, là nơi hiệu triệu, hội tụ và kết nối những giá trị chân, thiện, mỹ, biểu dương sức mạnh của cư dân làng xã Việt Nam.

Những hoạt động hành chính, văn hóa và tín ngưỡng diễn ra nơi đình làng chính là dịp để làng xã biểu thị sức mạnh cộng đồng, cũng là dịp thể hiện mối quan hệ ứng xử, giao tiếp tốt đẹp ở cả ba chiều: cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng, cộng đồng với cá nhân. Đình làng là nơi thể hiện truyền thống trọng lão, trọng trí, trọng quan viên, truyền thống trong họ ngoài làng của người nhà quê xưa. Nơi đình trung, những người nông dân tìm thấy địa vị, vai trò, tôn ty, sức mạnh và danh dự của mình. Từ những cụ ông được tham gia lễ tế thần Thành hoàng cho đến những chàng trai được tham gia giữ chân kiệu, những mẹ, những cô được tham gia chuẩn bị lễ vật, những người làng được tham gia vào đám rước, vào bữa cơm cộng cảm… Tất cả đều hào hứng tham gia vào sinh hoạt cộng đồng nơi đình trung bởi cá nhân họ được hiện diện trong những sinh hoạt chung ấy. Câu chuyện về một miếng ăn ở giữa đình, một chỗ ở chiếu đình là câu chuyện hệ trọng với họ bởi miếng ăn tuy nhỏ bé nhưng lại là nét đẹp văn hóa ứng xử nơi làng quê, là địa vị của họ trong cộng đồng: *Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp; Một miếng thịt làng bằng một sàng thịt chợ; Một miếng lộc thánh bằng một gánh lộc trần*… Với cộng đồng, những sinh hoạt chung ở đình làng là cơ hội thuận tiện để tập hợp mọi thành viên thuộc các giáp, các lứa tuổi có chung một khát vọng sống, một niềm tin gắn bó thành một khối, để biểu dương và minh chứng cho sức mạnh của làng. Với cá nhân, đó là dịp để cái tôi vô danh hòa nhập với cái ta chung, tìm thấy sức mạnh, danh dự của mình khi được đặt trong tập thể.

Đình làng của người Việt - đó là trụ sở, là trái tim của làng. Nơi ấy diễn ra các sinh hoạt tín ngưỡng và sinh hoạt phi tín ngưỡng. Trong đó, các sinh hoạt phi tín ngưỡng bao gồm các sinh hoạt chung hoặc có mục đích vì lợi ích chung của cộng đồng làng. Với tư cách là một trung tâm sinh hoạt cộng đồng của làng, đình là nơi diễn ra những cuộc họp toàn thể dân làng bàn việc lớn nhỏ của cả cộng đồng, nơi diễn ra các sinh hoạt của các chức sắc, tổ chức quản lí thôn xóm… Với tư cách là đại diện của làng trước nhà nước trung ương, đại biểu cho sự tham gia của làng vào nước, đình là nơi tiếp đón quan trên về làm việc, nơi tiếp nhận và bố cáo các công văn, sắc chỉ của nhà vua quan triều đình phong kiến. Với tư cách là một trung tâm văn hóa, đình là nơi diễn ra mọi hoạt động hội hè, vui chơi. Sinh hoạt tín ngưỡng bao gồm các thực hành nghi lễ nhằm thờ cúng, cầu xin sự che chở của vị Thành hoàng của từng làng với hành động tiêu biểu nhất là tổ chức lễ hội.

Ca dao dân gian thường chú ý nhiều hơn tới chức năng văn hóa của đình, liên quan đến mối quan hệ gắn bó của ca dao với đời sống sinh hoạt của con người: *Ăn chơi cho hết tháng hai/ Để làm đông đám, cho trai dọn đình/ Trong thời đánh trống rập rình*; *Ngoài thời trai gái tự tình cùng nhau; Mồng một chơi của chơi nhà/ Mồng hai chơi xóm, mồng ba chơi đình*... Có thể nói, những khi làng vào hội (vào đám) là những khi làng vui nhất. Hội làng

được coi là sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng nhất, cũng là sự kiện lớn nhất, được coi trọng nhất trong số các sinh hoạt chung của toàn thể cộng đồng làng xã. Lệ, hội làng thường mở vào những khi nông nhàn mùa xuân hoặc mùa thu, nhưng nhiều nhất vẫn là mùa xuân. Hội làng gắn chặt với đình làng - trung tâm văn hóa, tín ngưỡng của cả làng. Không gian đình làng mỗi khi có lễ hội phản ánh rõ nhất tinh thần "cộng đồng làng xã" - nền tảng của xã hội Việt Nam truyền thống. Ở đó, mọi người không chỉ cùng nhau thực hiện các hành động nghi lễ của tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng làng mà còn cùng nhau vui chơi, giải trí, nghe hát chèo, tổ chức ăn uống… Định kì vào những thời điểm nhất định trong năm, người dân tổ chức lễ hội để tôn vinh và tưởng nhớ vị Thành hoàng của làng mình. Phần lễ thường có các nghi thức như lễ mộc dục, lễ tế gia quan, lễ rước thần, đại tế. Mở hội gọi là nhập tịch, hết hội gọi là xuất tịch (rã đám). Sau phần lễ là đến phần hội với các hoạt động ăn uống cộng cảm và vui chơi, giải trí như thổi cơm thi, đánh cờ người, đánh đu, đấu vật, chọi gà... được diễn ra trên sân đình. Sân đình chính là khoảng không rộng phía trước, được coi như "quảng trường" của đình. Sân có thể tụ hội tất cả dân làng. Trên sân đình, lễ hội được tổ chức long trọng với tiếng trống, tiếng chiêng, với rước kiệu, tế lễ… Sân đình cũng trở thành sân khấu diễn xướng với các trò chơi, ca hát mang đậm bản sắc dân tộc, vùng miền, cũng là nơi dân làng ăn cỗ đại hạ - bữa cỗ mà mọi người đều rất mong chờ được tham dự vào đó vì nó không chỉ là lộc thánh mà qua đó người ta thấy được danh dự, vị trí và trách nhiệm của mình đối với làng. Người ta chơi hội, giao lưu văn hóa với nhau trên sân đình. Nói cách khác, sân đình là nơi vừa linh thiêng, vừa gần gũi, vừa mang tính chất tâm linh, vừa gắn liền với đời sống thực tiễn, qua đó giúp dân làng đoàn kết, gắn bó với nhau hơn.

Như thế, từ đặc điểm vị trí và vai trò, chức năng của đình làng trong thực tế, đình đã đi vào văn học dân gian và trở thành biểu tượng đình mang ý nghĩa là trái tim của cộng đồng làng xã, nơi dung hợp mọi hoạt động từ sinh hoạt cộng đồng mang tính chất dân dã đến những hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí và những hoạt động tín ngưỡng. Mọi hoạt động tập thể của người dân quê đều diễn ra ở đình. Đình trở thành nơi gắn kết người làng, giúp người làng đoàn kết hơn và giữ gìn được những giá trị văn hóa làng xã.

2.2.3. Đình làng - Biểu tượng của sự linh thiêng

Trong thiết chế xã hội nơi làng quê xưa, đình làng là một cơ sở tín ngưỡng, là nơi thờ Thành hoàng, được coi là không gian thiêng liêng nhất với dân làng. Trong công trình ***Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: Vấn đề còn bỏ ngỏ (Le village en questions/ The village in Questions)***, khi nghiên cứu về tín ngưỡng Thành hoàng làng trong đời sống cộng đồng làng Việt, các tác giả cũng thừa nhận sự tham dự của ngôi đình vào tín ngưỡng Thành hoàng làng ở thôn quê: "*Hội làng, thần Thành hoàng hay ngôi đình cần được xem như những yếu tố không tách rời nhau của một thực thể là tín ngưỡng Thành hoàng làng*" (Papin & Tessier, 2001, tr. 404-405). Như thế, đình chính là nơi cư ngụ của vị thần bảo hộ làng - một trung tâm tín ngưỡng và là trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa của đời sống cộng đồng làng. Nơi đây đảm nhận đồng thời các chức năng: Là không gian thực hành các nghi lễ tín ngưỡng tâm linh, đồng thời là trung tâm quản trị làng xã - nơi bộ máy hương chức họp bàn việc làng và phân xử các xung đột nội bộ.

Việc chọn vị trí cao ráo, thế đất đẹp trong làng để dựng đình chính là một cách người dân thể hiện tấm lòng tôn kính với thần linh: Vị thần đứng ở vị trí có thể bao quát cả làng, trông coi vận mệnh cho làng. Cũng chính vì thế mà xưa kia, người ta thường kiêng làm nhà cao hơn đình làng. Tất cả các sự kiện xảy ra ảnh hưởng đến dân làng đều có liên quan đến ngôi đình làng. Từ tình hình đời sống hưng thịnh hay suy bại, được mùa hay thất mùa, hanh thông hay khó khăn, được tiếng tốt hay tiếng xấu… cho đến những việc sinh nhai, ăn ở, thi cử, sức khỏe, giao tiếp… của toàn thể dân làng tất thảy đều được cho là có nguyên do từ ngôi đình làng. Trên thực tế, các làng xã xưa có rất nhiều cách ứng xử thể hiện sự tôn trọng nó. Chẳng hạn như chuyện làng Lệ Mật (Long Biên, Hà Nội) di chuyển chùa để lấy vị trí xây dựng đình; đình làng Mông Phụ (Sơn Tây, Hà Nội) được đặt sao cho các nhà ở hướng ra phía đình. Hướng đình được xem là quyết định vận mệnh của làng: *Toét mắt là tại hướng đình*/ *Cả làng toét mắt riêng mình em đâu; Đình làng hướng nam, không làm cũng có ăn.* Câu tục ngữ: *Góc ao không bằng đao đình* nói lên quan niệm của người xưa về hướng nhà cửa, thông qua đó đề cao tính chất linh thiêng của đình làng. Theo đó, người xưa làm nhà thường kiêng hướng về góc ao hay hướng về đao đình (bốn góc mái đình cong dài như lưỡi đao), cho rằng các hướng đó đều độc, phạm về mặt phong thủy. Trong đó, nhà ở hướng về phía đao đình thì độc hơn (Nguyễn, tr. 609).

Đình thờ Thành hoàng làng là vị thần bảo trợ cho cuộc sống và nghề nghiệp của dân làng: Từ sức khỏe, bình an, nghề nghiệp cho đến sinh đẻ thuận lợi, con cái học hành phương trưởng, đỗ đạt… Mỗi khi có điều cần cầu xin, người ta lại đến đình vái vị thần bảo trợ ấy: *Làm thơ biết cậy ai đem*/ *Cậy cùng chim nhạn đặng đem cho mình*/ *Mình đau tương tư tôi vái tận tình*/ *Vái cho mình mạnh, vô đình cúng heo.*

Như thế, sự hình thành hướng nghĩa biểu tượng của sự linh thiêng của ngôi đình làng gắn chặt với chức năng tín ngưỡng của công trình kiến trúc này. Mọi hoạt động của làng đều xảy ra ở đình làng dưới sự chứng kiến của vị thần bảo hộ của làng - thần Thành hoàng làng. Trong tâm thức người dân quê Việt, đình làng đã trở thành một chỗ dựa tinh thần mang ý nghĩa thiêng liêng, nơi con người đến để cầu xin sự bảo vệ, che chở, phù hộ cho người dân làm ăn phát đạt, làng xóm yên vui.

2.2.4. Đình làng - Không gian kết nối tình cảm

Với tư cách là trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa, trung tâm tín ngưỡng là làng quê, đình thường có sự tập trung đông người. Là một công trình có tính dân dã và công cộng, tất cả người dân trong làng đều có quyền bình đẳng như nhau trong việc sử dụng không gian sân đình. Người nông dân tới đình để tham gia vào các cuộc họp của dân làng, tham gia vào các thực hành nghi lễ của tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng làng, vui chơi hội hè, đình đám… Đó là cơ hội cho gái trai trong làng và các vùng lân cận gặp gỡ, tỏ tình, trao duyên, hẹn ước qua các điệu dân ca quan họ, hát xoan, các trò chơi dân gian, các buổi tát nước, gặp gỡ, chuyện trò…

Đình trở thành không gian cho những cuộc hẹn hò, tâm tình của các cặp đôi. Ca dao nhắc nhiều đến đầu đình, mé hiên đình, vườn đình, sân đình, thềm đình, ngả đình, sau đình, trong đình, đình trung, mái đình, cửa đình, bờ đình, cột đình… Mỗi một không gian ấy đều có

thể là nơi se duyên cho các chàng trai cô gái thôn quê: *Hôm qua tát nước đầu đình/ Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen…*; *Ngày ngày ra đứng đầu đình/ Chuyện trò to nhỏ có mình, có ta…*; *Đêm khuya em ngồi dựa mé hiên đình/ Sương sa, gió lạnh, không thấy mình vãng lai.*

Không dừng lại ở vai trò bối cảnh hẹn hò lí tưởng của các nam thanh nữ tú, đình làng còn được tác giả dân gian sử dụng để nói lên tình yêu thương đậm sâu, chứng nhân cho những lời thề nguyền hoặc nỗi hận tình. Có thể nói, từ bao ý nhị, e ấp, thẹn thùng buổi đầu hẹn hò cho đến những tương tư, nhớ nhung, lo lắng, buồn phiền, từ những lời hẹn thề trăm năm cho đến những sự thất vọng, cay đắng trong tình yêu đều có thể được biểu hiện thông qua đình làng. Lá đa, mái ngói, liễn, hạc, hương án… - những vật gắn liền với đình thường được dân gian ví với tình yêu nam nữ. Từ đó, đình đã trở thành chứng nhân, thành vật chuyển tải cho những cung bậc cảm xúc yêu đương, là vật kết nối tình cảm của con người. Đây là câu ca nổi tiếng về tình cảm yêu thương lứa đôi dành cho nhau: *Qua đình ngả nón trông đình/ Đình bao nhiêu lá thương mình bấy nhiêu.* Đây lại là sự nhớ nhung, tương tư: *Đêm khuya trăng rọi thềm đình/ Hỏi người bạn cũ thương mình hay không?*

Lứa đôi đã từng hẹn thề: *Nguyện thề trước miếu sau đình/ Đó vong ân đó chịu, đây bạc tình đây mang.* Đình làng vốn xuất phát từ đình trạm là tòa nhà chung được dựng lên để người đi đường nghỉ chân, thường dựng ở nơi giao thông thuận tiện, phù hợp với tính phổ biến và vị trí của đình làng sau này. Điều đáng nói là khi người dân địa phương và người đi đường đưa vị thần vào thờ ở đình trạm, tức tích hợp chức năng tín ngưỡng vào một cơ sở giao thông; thì điều đương nhiên là đình trở thành một cơ sở tín ngưỡng, nó không dễ gì bị mất đi bởi việc phá dỡ nơi thờ tự linh thiêng là điều khó khăn đối với một cộng đồng vốn có niềm kính ngưỡng sâu sắc đối với các vị thần của họ như trong thời phong kiến ở nước ta. Đặc điểm bền vững đó của đình được lứa đôi yêu nhau sử dụng để đem lại cho lời thề nguyền trăm năm một giá trị đảm bảo:

Lời thề ấy có khi lại được đảm bảo bởi sự gắn bó của những vật dụng trong đình. Chẳng hạn như mõ là nhạc khí không thể thiếu trong không gian văn hóa đình làng, được đánh trong các nghi lễ cúng đình để tạo không khí linh thiêng và nhịp điệu cho các nghi thức; đôi hạc luôn đứng ở hai bên hương án để tạo thành bộ đồ thờ linh thiêng, biểu trưng cho sự trường thọ và thanh cao: *Bao giờ cho mõ xa đình/ Hạc xa hương án chúng mình mới xa.*

Thề thốt là thế. Nhưng rồi, sống trong chế độ gia đình gia trưởng phong kiến phương Đông, việc hôn nhân không phải là việc lứa đôi có thể tự quyết định. Vì hoàn cảnh riêng, lời thề ấy đã không thực hiện được. Người ta trách móc, hờn giận nhau thay lòng đổi dạ, vội quên lời thề: *Liễn treo ba phía trong đình/ Chữ vàng chưa lợt sao mình vội quên…* Chỉ còn lại nỗi niềm tiếc nuối, xót xa của những lứa đôi yêu nhau mà chẳng lấy được nhau.

Người phụ nữ trao gửi yêu thương, mong có chỗ dựa vững chắc là người quân tử cứng cỏi, thanh cao như cây mai, to lớn, vững chãi như mái đình nhưng rốt cuộc thì mai cũng đổ, đình cũng xiêu tương tự như chỗ dựa tình cảm mong manh, yếu ớt: *Thương mình chẳng lấy được mình/ Dựa mai mai đổ, dựa đình đình xiêu.*

Có thể nói, với vai trò là không gian cho những buổi gặp gỡ, ước hẹn của lứa đôi, là chứng nhân cho sự đậm sâu của tình cảm, cho lời thề nguyền của lứa đôi, cho những yêu

thương và cho cả những hờn trách, đình làng chính là biểu trưng cho không gian kết nối tình cảm của con người. Hướng nghĩa này đặc biệt phổ biến trong ca dao người Việt.

5. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Từ sự gắn bó hài hòa trong một cấu trúc cảnh quan và văn hóa làng quê, đình làng đã tồn tại vững chãi trong đời sống nông thôn qua bao thế hệ. Trải qua thời gian, mẫu gốc ấy dần vượt thoát ý nghĩa là sự vật đơn thuần, trở thành biểu tượng trong ca dao người Việt. Qua việc giải mã các văn bản đã khảo sát, có thể thấy biểu tượng đình làng hiện lên rõ ràng với sự phức hợp về các hướng nghĩa, là kết quả của lối tư duy và phản ánh thế giới quan duy vật đầy tinh tế của những người nông dân. Làng quê truyền thống vừa là một tổ chức tự quản, vừa là một thành viên của quốc gia thống nhất. Sự nhân nhượng, dung hòa giữa làng và nước, hay chính là yêu cầu đảm bảo tính tự quản, lối sống cộng đồng của làng và yêu cầu xây dựng một nhà nước phong kiến đề cao Nho giáo nhằm tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các thành viên của làng thể hiện rất rõ ở sự hình thành, tồn tại của đình làng với tư cách một trung tâm văn hóa, tín ngưỡng và hành chính đại diện tiêu biểu nhất cho làng. Đây là cơ sở cho sự hình thành các hướng nghĩa của biểu tượng đình làng trong ca dao người Việt với ý nghĩa biểu hiện cho kiến trúc cảnh quan làng quê, trái tim của cộng đồng làng, cho sự linh thiêng và cho sự kết nối tình cảm, đặc biệt là tình yêu lứa đôi của trai gái nông thôn thời xưa. Việc giải mã biểu tượng này đóng góp một góc nhìn quan trọng vào việc thấu hiểu cấu trúc tâm lý cộng đồng cũng như cơ chế chuyển tải tri thức dân gian. Trong ngữ cảnh hiện đại hóa và hội nhập, những phân tích của bài viết không chỉ khẳng định sức sống bền bỉ của một biểu tượng văn hóa, mà còn cung cấp cơ sở lý luận cho việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản phi vật thể trong dòng chảy văn hóa Việt Nam đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Toan, A (2025). *Old customs: Vietnamese society - Leaves fall back to their roots*. Youth Publishing House, Ho Chi Minh city.

[2]. Tran, L. B (1983). Around the village communal house - History. *Journal of Art Studies*, (4): 38-43.

[3]. Nguyen, D. B (2026). Village communal house heritage – An endogenous cultural resource of Vietnam - Part 1: The village communal house – The quintessence of national art. *Journal of Culture and Arts*, (641).

[4]. Le, T. D (2024). *Some cultural symbols of the Vietnamese village: Cultural symbols associated with community life* (Vol. 3). People's Army Publishing House, Hanoi.

[5]. Nguyen, X. K (2012). *Perspectives on Vietnamese folklore*. Vietnam National University Press, Hanoi.

[6]. Nguyen, X. K (2023). *Material culture and social culture during the Dai Viet period*. Hong Duc Publishing House, Hanoi.

[7]. Doan, V. L (2022). The influence of religion on decorative sculpture in village communal houses: A study of selected symbols at Tay Dang, Ha Hiep, and So communal houses. *Journal of Social Sciences and Humanities*, *8* (1B), 32–45.

[8]. Giran, P (2021). *Sorcery and beliefs of the Annamese: An introduction to the philosophy of Annamese civilization* (H. Constant, Trans.). The Gioi Publishers, Hanoi. (Original work published 1912)

[9]. Papin, P., & Tessier, O. (Eds.) (2001). *Villages in the Red River Delta: Unresolved issues (Le village en questions/ The village in questions)*. National Center for Social Sciences and Humanities; École Française d'Extrême-Orient.

[10]. Do, V. R (1997). *The origins and traditions of the Vietnamese nation*. Ho Chi Minh City Publishing House.

[11]. Ha, V. T., & Nguyen, V. K. (Eds.) (2014). *Vietnamese Communal Houses*. Social Sciences Publishing House, Hanoi.

[12]. National Center for Social Sciences and Humanities (2002). *Comprehensive collection of Vietnamese folklore* (Vol. 16: Folk songs of romantic love). Social Sciences Publishing House, Hanoi.

[13]. Institute of History (2021). *Rural Vietnam in history* (Vol. 2). Social Sciences Publishing House, Hanoi.